

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2019 ĐẾN 30/06/2019

Cần Thơ, tháng 8 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên
Ông Phan Công Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban
Ông Trịnh Thanh Tùng	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Ông Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng
------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày 30/06/2019 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Phương

Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Số: 306/2019/UHY - BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”), được lập ngày 30 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng soát xét mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/6/2019, Văn phòng Công ty chưa xem xét, đánh giá các khoản công nợ phải thu khó đòi để trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định mà chỉ thực hiện việc này tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác có liên quan trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Văn phòng Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP)

Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp)

Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương vẫn đang trong quá trình thương thảo việc thanh toán khoản gốc vay và chi phí lãi vay của Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hướng thống nhất điều chỉnh giảm 50% lãi vay phải trả và do đó, Văn phòng Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh của năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 vào Báo cáo tài chính năm trước và kỳ này. Chúng tôi chưa thu thập được văn bản chấp thuận của Ngân hàng liên quan đến nội dung Công ty được giảm lãi vay nêu trên nên không có đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý về việc chưa ghi nhận đầy đủ lãi vay phải trả.

Kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Văn phòng Công ty được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán và kết luận chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226- 2018- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		205.743.303.248	185.427.913.418
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.769.514.842	3.651.236.750
Tiền	111		4.769.514.842	3.651.236.750
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	8.787.350.000	8.787.350.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.787.350.000	8.787.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.177.261.333	170.529.267.867
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.086.275.008	9.280.031.672
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.642.897.133	3.748.418.989
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		160.376.386.089	149.401.907.294
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.071.703.103	8.098.909.912
Hàng tồn kho	140	8	257.690.274	367.984.476
Hàng tồn kho	141		257.690.274	367.984.476
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.751.486.799	2.092.074.325
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	1.269.643.798	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		481.843.001	2.092.074.325
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		341.241.576.109	339.488.353.801
Các khoản phải thu dài hạn	210		326.042.547.282	323.342.547.282
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		295.979.062.282	295.979.062.282
Phải thu nội bộ dài hạn	214		30.000.000.000	27.300.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	63.485.000	63.485.000
Tài sản cố định	220		8.759.134.576	9.217.335.315
Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.708.734.576	9.141.735.315
- Nguyên giá	222		15.367.713.404	15.223.273.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.658.978.828)	(6.081.538.089)
Tài sản cố định vô hình	227	10	50.400.000	75.600.000
- Nguyên giá	228		252.000.000	252.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(201.600.000)	(176.400.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.147.259.266	6.504.030.077
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	6.147.259.266	6.504.030.077
Tài sản dài hạn khác	260		292.634.985	424.441.127
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	292.634.985	424.441.127
TỔNG TÀI SẢN	270		546.984.879.357	524.916.267.219

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		261.081.667.273	253.251.048.218
Nợ ngắn hạn	310		69.110.441.213	68.479.822.158
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.448.710.704	3.435.320.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		104.978.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	-	-
Phải trả người lao động	314		-	1.039.718.709
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	457.772.727	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		34.345.274.340	30.988.972.492
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	633.600.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	26.615.484.946	27.511.189.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	5.496.136.073	5.496.136.073
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.484.423	8.484.423
Nợ dài hạn	330		191.971.226.060	184.771.226.060
Phải trả nội bộ dài hạn	335		120.806.030.362	113.606.030.362
Phải trả dài hạn khác	337	17	20.023.518.102	20.023.518.102
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	51.141.677.596	51.141.677.596
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		285.903.212.084	271.665.219.001
Vốn chủ sở hữu	410	19	285.903.212.084	271.665.219.001
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.281.179.597	275.281.179.597
Quỹ đầu tư phát triển	418		646.231.180	646.231.180
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.975.801.307	(4.262.191.776)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.262.191.776)	3.683.145.950
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.237.993.083	(7.945.337.726)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		546.984.879.357	524.916.267.219

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu



Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Lâm Trúc Sơn

Q. Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	số	minh	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	31.182.127.556	5.199.109.744
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.182.127.556	5.199.109.744
Giá vốn hàng bán	11	21	11.073.620.278	3.760.734.274
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		20.108.507.278	1.438.375.470
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	204.860.783	33.757.569
Chi phí tài chính	22	23	-	29.572.870
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	29.572.870
Chi phí bán hàng	25	24	115.606.696	189.322.198
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	5.932.642.469	5.511.545.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.265.118.896	(4.258.307.227)
Thu nhập khác	31		1	10.372.065
Chi phí khác	32		27.125.814	-
Lợi nhuận khác	40		(27.125.813)	10.372.065
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.237.993.083	(4.247.935.162)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.237.993.083	(4.247.935.162)

Người lập biểu

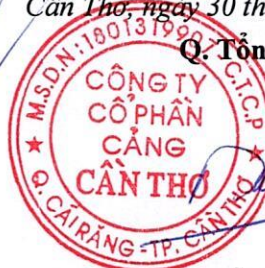

Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng


Lâm Trúc Sơn

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Q. Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019 VND	đến 30/06/2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	14.237.993.083	(4.247.935.162)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	602.640.739	377.497.941
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(204.860.783)	(33.757.569)
Chi phí lãi vay	06	-	29.572.870
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.635.773.039	(3.874.621.920)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.667.008.211)	40.061.162.943
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	110.294.202	(489.625.002)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	8.290.798.048	(22.548.359.527)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.137.837.656)	(2.627.287.607)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.768.287	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.000.000)	(164.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.233.787.709	10.357.068.887
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(247.848.182)	(9.411.655.939)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(8.787.350.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	132.338.565	33.757.569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(115.509.617)	(18.165.248.370)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.118.278.092	(8.408.179.483)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	3.651.236.750
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	4.769.514.842
			2.751.322.816

Người lập biểu


Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng


Lâm Trúc Sơn



Q. Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 02, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2019 là 157 người.

1.2 LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH***Lĩnh vực kinh doanh:***

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng	Số 272 đường Cao Thắng, khóm 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu	27 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui	số 02, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi Thông tư 200) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Tuy nhiên, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xem xét, đánh giá các khoản công nợ phải thu khó đòi để trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định mà chỉ thực hiện việc này tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã tính mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 47
- Máy móc, thiết bị	02 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 18
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
- Tài sản cố định khác	02 - 14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời kỳ không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tài chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

3.7 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.9 CHI PHÍ LÃI VAY

Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.934.560.984	1.253.072.358
Tiền gửi ngân hàng	2.834.953.858	2.398.164.392
	4.769.514.842	3.651.236.750

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.269.643.798	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.791.666	-
- Các chi phí khác chờ phân bổ	1.261.852.132	-
Dài hạn	292.634.985	424.441.127
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	51.328.204	20.577.047
- Chi phí sửa chữa	92.398.424	138.108.644
- Các chi phí khác chờ phân bổ	148.908.357	265.755.436
	1.562.278.783	424.441.127

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÀN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	13.086.275.008	-	9.280.031.672	-
- Công ty TNHH Thạnh Phương	3.232.183.741	-	3.689.691.080	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	1.170.531.440	-	1.170.531.440	-
- Các khách hàng khác	8.683.559.827	-	4.419.809.152	-
Dài hạn	-	-	-	-
	13.086.275.008	-	9.280.031.672	-

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	13.071.703.103	-	8.098.909.912	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	5.729.658.490	-	3.047.677.712	-
- Ký cược, ký quỹ	4.000.000	-	-	-
- Phải thu lợi nhuận hợp tác kinh doanh Công ty TNHH Căng Càn Thơ - Thanh Tuấn	3.442.185.443	-	3.369.663.225	-
- Công ty TNHH Thạnh Phương	1.800.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	2.095.859.170	-	1.681.568.975	-
Dài hạn	63.485.000	-	63.485.000	-
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	48.485.000	-	48.485.000	-
	13.135.188.103	-	8.162.394.912	-
Phải thu khác là các bên liên quan	3.442.185.443	-	3.369.663.225	-
- Công ty TNHH Căng Càn Thơ - Thanh Tuấn	3.442.185.443	-	3.369.663.225	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019		Dự phòng VND	Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	36.739.339	-	-	-
Hàng hóa	257.690.274	-	331.245.137	-	-	-
	257.690.274	-	367.984.476	-	-	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	30/06/2019		01/01/2019		Cộng VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	7.019.750.001	349.738.708	7.771.584.695	34.000.000	15.223.273.404
- Mua trong kỳ	103.408.182	-	144.440.000	-	247.848.182
- Điều chuyển chi nhánh	(103.408.182)	-	-	-	(103.408.182)
30/06/2019	7.019.750.001	349.738.708	7.916.024.695	34.000.000	15.367.713.404
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(1.489.020.516)	(34.315.907)	(4.516.907.590)	(24.366.681)	(6.081.538.089)
- Khấu hao trong kỳ	(125.090.544)	(17.486.934)	(429.741.829)	(3.400.002)	(577.440.739)
30/06/2019	(1.614.111.060)	(51.802.841)	(4.946.649.419)	(27.766.683)	(6.658.978.828)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	5.530.729.485	315.422.801	3.254.677.105	9.633.319	9.141.735.315
30/06/2019	5.405.638.941	297.935.867	2.969.375.276	6.233.317	8.708.734.576

Tại ngày 30/06/2019: Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.798.792.727 đồng;

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn
từ 01/01/2019 đến 30/06/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2019	252.000.000	252.000.000
30/06/2019	<u>252.000.000</u>	<u>252.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2019	(176.400.000)	(176.400.000)
- Khấu hao trong kỳ	(25.200.000)	(25.200.000)
30/06/2019	<u>(201.600.000)</u>	<u>(201.600.000)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2019	<u>75.600.000</u>	<u>75.600.000</u>
30/06/2019	<u>50.400.000</u>	<u>50.400.000</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công trình cảng Cái Cui	5.723.035.604	5.723.035.604
Công trình khác	424.223.662	780.994.473
	<u>6.147.259.266</u>	<u>6.504.030.077</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng (1)	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000
	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7%/năm tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	1.448.710.704	1.448.710.704	3.435.320.833	3.435.320.833
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trí Việt	313.307.650	313.307.650	2.069.689.000	2.069.689.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Hiệp Phong	831.650.000	831.650.000	950.700.000	950.700.000
- Đối tượng khác	303.753.054	303.753.054	414.931.833	414.931.833
Dài hạn	-	-	-	-
	1.448.710.704	1.448.710.704	3.435.320.833	3.435.320.833

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019		Số đã thực nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2019	
	VND	Số phải nộp trong kỳ VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.198.675.156	-	3.198.675.156	-	3.198.675.156	-	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	108.492.414	-	108.492.414	-	108.492.414	-	-
	-	3.310.167.570	-	3.310.167.570	-	3.310.167.570	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	457.772.727	-
- Trích trước chi phí cước vận chuyển, bốc xếp	457.772.727	-
Dài hạn	-	-
	457.772.727	-

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	633.600.000	-
- Doanh thu cho thuê kho, thuê văn phòng	633.600.000	-
Dài hạn	-	-
	633.600.000	-

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	26.615.484.946	27.511.189.628
- Kinh phí công đoàn	29.209.596	-
- Phải trả về cổ phần hóa	59.550.560	59.550.560
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	92.500.000	125.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.434.224.790	27.326.639.068
+ <i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>	<i>6.189.297.182</i>	<i>7.041.199.909</i>
+ <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>19.844.403.687</i>	<i>19.844.403.687</i>
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>400.523.921</i>	<i>441.035.472</i>
Dài hạn	20.023.518.102	20.023.518.102
- Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư	20.023.518.102	20.023.518.102
	46.639.003.048	47.534.707.730
Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan	6.189.297.182	7.041.199.909
- <i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>	<i>6.189.297.182</i>	<i>7.041.199.909</i>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THO

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2019		01/01/2019		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị
Vay và nợ ngắn hạn	5.496.136.073	5.496.136.073	-	-	5.496.136.073	5.496.136.073
Vay ngắn hạn	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073
Vay dài hạn đến hạn trả	5.275.000.000	5.275.000.000	-	-	5.275.000.000	5.275.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	5.275.000.000	5.275.000.000	-	-	5.275.000.000	5.275.000.000
Vay và nợ dài hạn	51.141.677.596	51.141.677.596	-	-	51.141.677.596	51.141.677.596
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	51.141.677.596	51.141.677.596	-	-	51.141.677.596	51.141.677.596
Tổng cộng	56.637.813.669	56.637.813.669	-	-	56.637.813.669	56.637.813.669

Vay và nợ với bên liên quan

Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

221.136.073

-

221.136.073

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2009/HĐTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ký ngày 27/10/2009 với các điều khoản sau:

- Tổng số tiền cho vay: 253.684.000.000 đồng;
- Thời gian cho vay: 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo “Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cái Cui - giai đoạn 2”;
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi;
- Biện pháp đảm bảo: Toàn bộ tài sản theo dự án đầu tư cảng Cái Cui - giai đoạn 1 và các tài sản hình thành trong tương lai theo “Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cái Cui - giai đoạn 2”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	275.281.179.597	646.231.180	(4.372.671.797)	271.554.738.980
- Lãi năm trước	-	-	110.480.021	110.480.021
31/12/2018	275.281.179.597	646.231.180	(4.262.191.776)	271.665.219.001
01/01/2019	275.281.179.597	646.231.180	(4.262.191.776)	271.665.219.001
- Lãi kỳ này	-	-	14.237.993.083	14.237.993.083
30/06/2019	275.281.179.597	646.231.180	9.975.801.307	285.903.212.084

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	272.566.179.597	272.566.179.597
Các cổ đông khác	2.715.000.000	2.715.000.000
	275.281.179.597	275.281.179.597

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.528.118	27.528.118
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.528.118	27.528.118
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.432.781.859	1.636.347.737
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.749.345.697	3.562.762.007
	31.182.127.556	5.199.109.744
21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.039.783.195	1.550.180.504
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.033.837.083	2.210.553.770
	11.073.620.278	3.760.734.274
22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	132.338.565	33.757.569
Cổ tức, lợi nhuận được chia	72.522.218	-
	204.860.783	33.757.569
23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	29.572.870
	-	29.572.870
24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	115.606.696	189.322.198
- Chi phí nhân viên quản lý	44.564.280	14.854.760
- Chi phí khấu hao TSCĐ	71.042.416	174.467.438
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	5.932.642.469	5.511.545.198
- Chi phí nhân viên quản lý	2.660.103.418	2.372.896.999
- Chi phí khấu hao TSCĐ	344.927.479	346.532.071
- Chi phí bằng tiền khác	2.927.611.572	2.792.116.128
	6.048.249.165	5.700.867.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	830.306.390	461.328.869
Chi phí nhân công	4.101.117.160	3.346.411.912
Khấu hao tài sản cố định	602.640.739	377.497.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.339.657.360	1.408.565.617
Chi phí bằng tiền khác	2.208.364.599	2.270.624.911
	10.082.086.248	7.864.429.250

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Văn phòng Công ty chỉ thực hiện kinh doanh và theo dõi theo một bộ phận duy nhất là: kinh doanh dịch vụ cảng.

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại USD	1.766,32	773,25

27.2 BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	1.017.508.884	1.225.000.000

27.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Thái Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Lâm Trúc Sơn

Cần Thơ, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Q. Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương